

PHẦN I

THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

CHƯƠNG 1

THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

I. TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

1. Sự ra đời của thị trường ngoại hối

Sự ra đời của thị trường ngoại hối gắn liền với nhu cầu giao dịch và trao đổi ngoại tệ giữa các quốc gia nhằm phục vụ cho sự phát triển của ngoại thương

Ví dụ: trong quan hệ ngoại thương giữa Việt Nam và Mỹ liên quan ít nhất đến hai đồng tiền là USD và VND. Khi xuất khẩu hàng sang Việt Nam, mục tiêu của công ty Mỹ là thu về USD, trong khi các công ty nhập khẩu của có VND. Do đó thực tiễn của hoạt động xuất nhập khẩu đòi hỏi một cơ chế nào đó nhằm giúp các công ty Việt Nam đổi VND lấy USD để thanh toán cho các công ty xuất khẩu ở Mỹ và ngược lại khi các công ty Việt Nam xuất khẩu hàng hóa sang Mỹ hoặc bất kỳ nước nào khác thường thu về USD, nhưng công ty không thể sử dụng USD mà phải dùng VND để chi trả lương hoặc thu nguyên liệu chế biến hàng xuất khẩu. Khi đó công ty cần bán USD thu được từ xuất khẩu để lấy VND.

Các hoạt động trên đòi hỏi cần phải có một cơ chế nào đó giúp các công ty chuyển từ đồng tiền mình đang có sang đồng tiền khác mình đang cần. Cơ chế đó chính là thị trường ngoại hối.

2. Khái niệm:

2.1. Ngoại hối (The Foreign Exchange): Là một khái niệm dùng để chỉ các phương tiện có giá trị thanh toán giữa các quốc gia

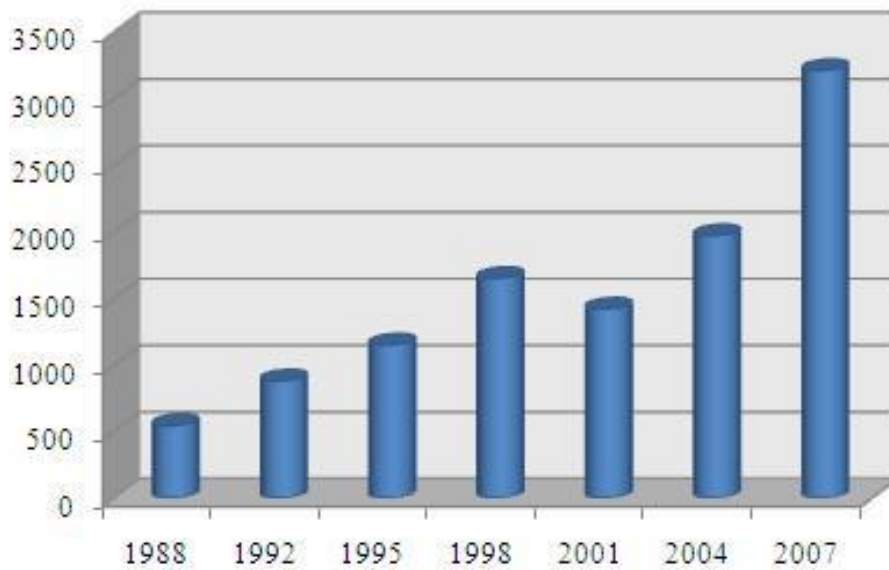
Ngoại hối là những phương tiện thanh toán, dự trữ được thể hiện dưới dạng ngoại tệ bao gồm: tiền mặt, thương phiếu, chi phiếu, chứng từ có giá bằng ngoại tệ, vàng tiêu chuẩn quốc tế, đồng tiền quốc gia do người không cư trú nắm giữ.

2.2. Thị trường ngoại hối (The Foreign Exchange Market-FOREX):

- Thị trường ngoại hối là nơi diễn ra sự mua bán các loại tiền tệ của nhiều quốc gia trên thế giới.

- Là thị trường có tính thanh khoản lớn nhất thế giới với khối lượng giao dịch mỗi ngày đạt hàng nghìn tỷ USD.

Biểu đồ khối lượng giao dịch bình quân ngày từ năm 1988 – 2007



3. Đặc điểm của thị trường ngoại hối:

Vì Forex mua bán các loại hàng hóa đặc biệt nên thị trường ngoại hối có những đặc điểm riêng biệt mà các thị trường khác không có được.

- Forex là thị trường giao dịch mang tính quốc tế, phạm vi hoạt động mang tính toàn cầu nhằm phục vụ cho các nhu cầu mua bán giao dịch về ngoại tệ
- Forex là thị trường hoạt động liên tục 24 trên 24, do sự chênh lệch về múi giờ của các khu vực địa lý khác nhau cùng với phương tiện thông tin liên lạc hiện đại như điện thoại, fax, telex, mạng vi tính khiến cho các giao dịch thực hiện tức thời.

4. Chức năng của thị trường ngoại hối:

- Cung cấp dịch vụ cho khách hàng thực hiện các giao dịch thương mại quốc tế.
- Luân chuyển vốn, giao dịch tài chính quốc tế.

- Làm cho sức mua đối ngoại của tiền tệ được xác định một cách khách quan theo quy luật cung cầu.
- Thị trường ngoại hối cung cấp các công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá bằng các hợp đồng như kỳ hạn, hoán đổi, quyền chọn và tương lai.
- Là nơi để NHTW can thiệp lên tỷ giá

5. Các thành phần tham gia thị trường ngoại hối

- **Nhóm khách hàng mua bán lẻ:** gồm các công ty nội địa & đa quốc gia, những nhà đầu tư quốc tế và tất cả những ai có nhu cầu mua bán ngoại hối nhằm hai mục đích: Chuyển đổi ngoại tệ và phòng ngừa tỷ giá.
- **Các ngân hàng thương mại & Ngân hàng đầu tư:** Tham gia mua bán ngoại tệ cho chính họ khi thực hiện mục tiêu kinh doanh hoặc là mua bán thay cho khách hàng khi thực hiện vai trò môi giới.
- **Những nhà môi giới ngoại hối:** Tham gia trên Forex với tư cách là trung gian trong các giao dịch mua bán hoặc mua bán thay cho người khác nhằm thu hoa hồng trong từng giao dịch
- **Các ngân hàng trung ương:** Đóng vai trò tổ chức và kiểm soát, điều hành và tham gia mua bán ngoại tệ nhằm ổn định sự hoạt động của thị trường ngoại hối, ổn định giá cả và tỷ giá hối đoái.

6. Các nghiệp vụ trên thị trường ngoại hối

6.1. Nghiệp vụ giao ngay (SPOT): Là giao dịch hai bên thực hiện mua/bán một lượng ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay trên thị trường tại thời điểm giao dịch và kết thúc thanh toán trong vòng 02 ngày làm việc tiếp theo.

+ Những lợi ích chính:

- Đáp ứng nhu cầu mua bán ngoại tệ để phục vụ cho thanh toán xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, cước vận tải, bảo hiểm.
- Góp vốn liên doanh với nước ngoài.
- Đóng hội phí cho các tổ chức quốc tế.
- Đi công tác, học tập, chữa bệnh, du lịch... ở nước ngoài.

- Có thể thanh toán ngay trong ngày (today), thanh toán vào ngày hôm sau (tom) hoặc thanh toán trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (spot).

+ Những đặc điểm cơ bản:

- Tỷ giá mua/bán là tỷ giá giao ngay trên thị trường tại thời điểm giao dịch.
- Thời gian thực hiện thanh toán tối đa không quá 02 ngày làm việc tiếp theo sau ngày giao dịch.
- Đáp ứng được đa dạng nhu cầu ngoại tệ của khách hàng.

6.2. Nghiệp vụ kỳ hạn (FORWARD): Là nghiệp vụ mua bán ngoại tệ mà việc giao nhận sẽ được thực hiện sau một thời gian nhất định theo tỷ giá thỏa thuận lúc ký kết hợp đồng.

+ Những lợi ích chính:

- Đáp ứng nhu cầu mua bán ngoại tệ để phục vụ cho thanh toán xuất nhập khẩu, chuyển tiền ra nước ngoài hoặc đầu tư...
- Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng xấu tới thu nhập và chi phí trong tương lai khách hàng.

+ Những đặc điểm cơ bản:

- Tỷ giá kỳ hạn:
 - Được xác định bởi tỷ giá giao ngay và chênh lệch lãi suất giữa hai đồng tiền.
 - Tỷ giá này không phụ thuộc vào dự báo của thị trường về chiều hướng biến động của tỷ giá giao ngay trong tương lai.

$$\text{Tỷ giá kỳ hạn} = \text{Spot} \times \frac{1 + (\text{IR2} \times \text{Ngày}/360)}{1 + (\text{IR1} \times \text{Ngày}/360)}$$

hoặc Tỷ giá kỳ hạn = Spot + Điểm kỳ hạn

$$\text{Điểm kỳ hạn} = \frac{\text{Spot} \times (\text{IR2} - \text{IR1}) \times \text{Ngày}}{360}$$

IR1: Lãi suất đồng yết giá
IR2: Lãi suất đồng định giá

Spot: Tỷ giá giao ngay
Ngày: số ngày thỏa thuận

- Thời gian thanh toán:

- Đối với giao dịch giữa VND với các ngoại tệ kỳ hạn thanh toán tối thiểu là 03 ngày, tối đa là 365 ngày kể từ ngày giao dịch.

- Đối với giao dịch giữa hai loại ngoại tệ với nhau kỳ hạn thanh toán dựa trên cơ sở thỏa thuận giữa NHTM và khách hàng.

6.3. Nghiệp vụ hoán đổi (SWAP): Là nghiệp vụ ngoại hối phối hợp giữa hai nghiệp vụ giao dịch ngoại hối giao ngay và giao dịch ngoại hối có kỳ hạn để kiếm lợi nhuận.

+ **Những lợi ích chính:**

- Giúp doanh nghiệp XNK quản lý dòng tiền hiệu quả.

- Sử dụng ngay được nguồn ngoại tệ sẽ có trong tương lai.

- Có thể hưởng lợi từ chênh lệch lãi suất giữa các đồng tiền.

- Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng xấu tới thu nhập và chi phí trong tương lai.

- Ví dụ 1: Công ty XNK A nhận được 100.000 USD từ hợp đồng xuất khẩu nhưng phải thanh toán 100.000 USD cho một lô hàng nhập khẩu 2 tháng sau đó. Tuy nhiên lại cần VND để duy trì hoạt động sản xuất

→ *Giải pháp: Ký hợp đồng Swap với NH, trong đó Cty A bán USD spot với giá 16500 và mua lại USD/VND kỳ hạn 2 tháng với giá 17028 (điểm Swap = 528)*

- Ví dụ 2: Công ty XNK A sẽ nhận được 100.000 USD từ các đơn đặt hàng trong tháng tới, tuy nhiên cần 100.000 USD để thanh toán hàng nhập khẩu bây giờ.

→ *Giải pháp: Ký hợp đồng Swap với NH, trong đó Cty A mua 100.000 USD spot giá 16500 và bán 100.000 USD kỳ hạn 1 tháng giá 16740 (điểm Swap = 240)*

+ **Những đặc điểm cơ bản:**

- Giao dịch hoán đổi có hai dạng gồm hoặc giao dịch giao ngay và giao dịch kỳ hạn hoặc giao dịch kỳ hạn và giao dịch kỳ hạn.

- Tỷ giá giao dịch: một giao dịch hoán đổi bao gồm 2 tỷ giá khác nhau, hoặc tỷ giá giao ngay và tỷ giá kỳ hạn hoặc tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá kỳ hạn tương ứng với hai dạng giao dịch trên.

- Thời hạn thanh toán cũng có đặc điểm tương tự gồm hoặc thanh toán giao ngay và thanh toán kỳ hạn hoặc thanh toán kỳ hạn và thanh toán kỳ hạn.

6.4. Nghiệp vụ tương lai (FUTURE): Là hợp đồng mua bán ngoại tệ giao sau. Hợp đồng giao sau là một thỏa thuận mua bán một số lượng ngoại tệ đã biết theo tỷ giá cố định tại thời điểm hợp đồng có hiệu lực và việc chuyển giao ngoại tệ được thực hiện vào một ngày trong tương lai được xác định bởi sở giao dịch

6.5. Nghiệp vụ quyền chọn (OPTION): Là giao dịch giữa bên mua quyền và bên bán quyền, trong đó bên mua quyền có quyền nhưng không có nghĩa vụ mua hoặc bán một lượng ngoại tệ xác định ở một mức tỷ giá xác định trong một khoảng thời gian thỏa thuận trước. Nếu bên mua quyền chọn thực hiện quyền của mình thì bên bán quyền có nghĩa vụ bán hoặc mua lượng ngoại tệ trong hợp đồng theo tỷ giá đã thỏa thuận trước.

+ Những lợi ích chính:

- Bảo hiểm rủi ro tỷ giá cho khách hàng, đồng thời có thể giúp khách hàng thu thêm được lợi nhuận khi tỷ giá biến động theo chiều có lợi.
- Xác định trước được mức chi phí tối đa (quyền chọn mua) hay mức lãi tối thiểu (quyền chọn bán) trong các giao dịch ngoại tệ tương lai.
- Giúp khách hàng lựa chọn được mức tỷ giá mong muốn.

+ Những đặc điểm chính:

- Có 2 kiểu quyền chọn:
- Quyền chọn kiểu Châu Âu, là loại quyền chọn mà bên mua chỉ được thực hiện quyền vào ngày đáo hạn của hợp đồng.
- Quyền chọn kiểu Mỹ, là loại quyền chọn mà bên mua có thể thực hiện quyền vào bất kỳ ngày nào trong thời gian hiệu lực của hợp đồng.
- Kỳ hạn của hợp đồng: từ 3 – 365 ngày.
- Tỷ giá thực hiện: Tỷ giá mà người mua quyền được mua hoặc bán ngoại tệ. Tỷ giá này do khách hàng tự lựa chọn.
- Phí quyền chọn: là số tiền mà người mua phải trả cho người bán để có được quyền mua hoặc quyền bán ngoại tệ.

II. TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

1. Khái niệm:

- **Hối đoái:** là sự chuyển đổi từ một đồng tiền này sang đồng tiền khác.

Sự chuyển đổi này xuất phát từ yêu cầu thanh toán giữa các cá nhân, các công ty, các tổ chức thuộc hai quốc gia khác nhau và dựa trên một tỷ lệ nhất định của hai đồng tiền.

- **Tỷ giá hối đoái là:** tỷ lệ trao đổi giữa đồng tiền nước này với đồng tiền nước khác hay cụ thể hơn là tỷ lệ trao đổi giữa đồng tiền trong nước với đồng tiền nước ngoài.

2. Cơ sở xác định tỷ giá:

Giá trị của mỗi đồng tiền nằm ở sức mua hàng hóa dịch vụ của nó. Tỷ giá giữa các đồng tiền được xác định trên cơ sở so sánh sức mua tương đương

- Tỷ giá được xác định bởi cung cầu trên thị trường ngoại hối
- Sự thừa kế nhất định từ chế độ bản vị vàng và Bretton Woods

Các quốc gia áp dụng các chính sách tỷ giá khác nhau:

- Tỷ giá cố định: : tỷ giá được quyết định bởi NHTW. NHTW công bố mức tỷ giá chính thức và cam kết duy trì khả năng chuyển đổi đồng tiền trong nước với đồng tiền nước ngoài theo giá công bố dù cung cầu ngoại tệ trên thị trường có thay đổi. Khi có sự biến động thị trường, muốn duy trì tỷ giá đã ấn định thì NHTW phải điều hòa lượng ngoại tệ trên thị trường ngoại hối để đảm bảo cân bằng cung cầu

- Tỷ giá theo quan hệ cung cầu (thả nổi hoàn toàn): tỷ giá được quyết định bởi cung và cầu ngoại tệ trên thị trường. Khi cung cầu thay đổi đến đâu, tỷ giá thay đổi tương ứng đến đó theo mức cân bằng trên thị trường.

- Tỷ giá thả nổi có sự quản lý (kết hợp của thả nổi và cố định): tỷ giá này có thể do thị trường quyết định, cũng có thể do NHTW quyết định. Khi thị trường ít biến động, tỷ giá được thả nổi theo cung cầu trên thị trường ngoại hối. Khi có dao động mạnh và nhanh thì NHTW can thiệp để giữ ổn định tỷ giá.

3. Quy ước tên đơn vị tiền tệ:

Để thống nhất và tiện lợi trong các giao dịch ngoại hối Tổ chức Tiêu Chuẩn Quốc Tế (International Standard Organization) gọi tắt là ISO quy ước tên đơn vị tiền tệ của một quốc gia được viết bằng ba ký tự. Hai ký tự đầu là tên quốc gia, ký tự sau cùng là tên đồng tiền

Ví dụ: Tên đơn vị tiền tệ của Mỹ là USD

- Hai ký tự đầu US viết tắt của The United States
- Ký tự sau cùng (D) viết tắt tên dollar

Ký hiệu đơn vị tiền tệ của một số quốc gia

Tên đồng tiền	Ký hiệu
Bảng Anh	GBP
Dollar Mỹ	USD
Đồng Euro	EUR
Dollar Canada	CAD
Dollar Hồng Kông	HKD
Dollar Singapore	SGD
Dollar Úc	AUD
Franc Thụy sĩ	CHF
Yen Nhật	JPY
Đồng Việt Nam	VND

4. Phân loại tỷ giá

Có rất nhiều loại tỷ giá tùy theo căn cứ vào nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối hay căn cứ cơ chế điều hành chính sách tỷ giá.

4.1. Căn cứ nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối:

- Tỷ giá mua vào: Là tỷ giá mà tại đó ngân hàng yết giá sẵn sàng mua vào đồng tiền yết giá.
- Tỷ giá bán ra: Là tỷ giá mà tại đó Ngân hàng yết giá sẵn sàng bán ra đồng tiền yết giá.
- Tỷ giá tiền mặt: là tỷ giá ngân hàng Thương mại áp dụng để mua ngoại tệ tiền mặt của khách hàng,
- Tỷ giá chuyển khoản: là tỷ giá mà ngân hàng Thương mại áp dụng để mua và bán ngoại tệ chuyển khoản với khách hàng.

- Tỷ giá mở cửa: Là tỷ giá áp dụng cho hợp đồng giao dịch đầu tiên trong ngày.
- Tỷ giá đóng cửa: Là tỷ giá áp dụng cho hợp đồng cuối cùng được giao dịch trong ngày, thông thường các ngân hàng chỉ công bố các tỷ giá đóng cửa.
- Tỷ giá liên ngân hàng: là tỷ giá áp dụng trong giao dịch mua bán ngoại tệ giữa các ngân hàng với nhau trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng.

4.2 Căn cứ cơ chế điều hành chính sách tỷ giá ta có:

- Tỷ giá chính thức: Là tỷ giá do NHTW công bố, nó phản ánh chính thức về giá trị đối ngoại của đồng ngoại tệ và được dùng để tính thuế XNK.
- Tỷ giá chợ đen: Là tỷ giá hình thành bên ngoài hệ thống NH và do quan hệ cung cầu trên thị trường chợ đen quyết định.
- Tỷ giá cố định: Là tỷ giá do NHTW công bố trong một biên độ dao động hẹp và do tính chất cố định nên chịu sự can thiệp thường xuyên của NHTW và là nguyên nhân làm cho dự trữ ngoại hối quốc gia thay đổi.
- Tỷ giá thả nổi hoàn toàn: Là tỷ giá được hình thành hoàn toàn theo quan hệ cung cầu trên thị trường.
- Tỷ giá thả nổi có điều tiết: Là tỷ giá được thả nổi nhưng chịu sự can thiệp của NHTW để tỷ giá biến động theo hướng có lợi cho nền kinh tế.

5. Các phương thức yết giá

Trên thị trường ngoại hối nói chung có hai cách yết giá

- **Yết giá trực tiếp:** Là phương pháp biểu thị giá trị một đơn vị ngoại tệ thông qua một số lượng nội tệ nhất định.

Các đồng tiền được yết giá trực tiếp gồm: Yen Nhật, Franc Thụy Sĩ, dollar Singapore, và nhiều đồng tiền khác trong đó có Việt Nam.

Ví dụ: USD/VND = 16700

$$1\text{USD} = 16700\text{ VND}$$

- **Yết giá gián tiếp:** Là phương pháp biểu thị giá trị một đơn vị nội tệ thông qua một số lượng ngoại tệ nhất định.

Các đồng tiền được yết giá gián tiếp gồm bảng Anh, dollar Úc và dollar New Zealand

Ví dụ : EUR/USD = 1.5550

$$1\text{EUR} = 1.5550\text{USD}$$

→ Riêng dollar Mỹ và Euro vừa yết giá trực tiếp vừa yết giá gián tiếp

6. Tỷ giá chéo

6.1. Khái niệm:

Tỷ giá chéo là tỷ giá giữa hai đồng tiền bất kỳ được xác định thông qua đồng tiền thứ 3 (đồng tiền trung gian)

Do đồng USD thường là đồng tiền được yết giá với các đồng tiền quốc gia khác, nên tỷ giá đồng tiền bất kỳ thường được suy ra từ tỷ giá giữa chúng với đồng USD. Từ đó tỷ giá chéo được hiểu là tỷ giá giữa hai đồng tiền bất kỳ được xác định thông qua USD

6.2. Phương pháp tính tỷ giá chéo

- **Trường hợp 1:** tỷ giá chéo giữa hai đồng tiền được yết giá trực tiếp

VD: USD/VND = 15.458 và USD/JPY = 119,01

Tỷ giá chéo JPY/VND = USD/VND / USD/JPY = 15,458 / 119,01 = 129.88

- **Trường hợp 2:** Tỷ giá chéo giữa hai đồng tiền được yết giá gián tiếp

VD : GBP/USD = 1,5475 và AUD/USD = 0.5957

Tỷ giá chéo GBP/AUD = GBP/USD / AUD/USD = 1,5475 / 0,5957 = 2,5978

- **Trường hợp 3:** Tỷ giá chéo giữa một đồng tiền yết giá trực tiếp và một đồng tiền yết giá gián tiếp

VD: GBP/USD = 1,5475 và USD/VND = 15.458

Tỷ giá chéo : GBP/VND = GBP/USD x USD/VN

$$= 1,5475 \times 15.458 = 23,921$$

7. Các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá

Cung cầu về ngoại tệ trên thị trường là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến sự biến động của tỷ giá hối đoái

- **Tình hình lạm phát trong và ngoài nước:** Nếu tỷ lệ lạm phát trong nước cao hơn ở nước ngoài, hàng hóa trong nước sẽ trở nên đắt đỏ hơn so với hàng hóa nước ngoài. Điều này dẫn đến sự gia tăng nhu cầu hàng hóa ngoại nhập và giảm nhu cầu hàng hóa nội địa.

sự thay đổi nhu cầu hàng hóa này làm tăng cầu và giảm cung ngoại tệ. Làm cho ngoại tệ lên giá so với nội tệ (tỷ giá tăng). Nước nào có mức độ lạm phát lớn hơn thì đồng tiền của nước đó bị mất giá so với đồng tiền nước còn lại.

- **Tình hình thay đổi lãi suất nội tệ và ngoại tệ:** Nước nào có lãi suất tiền gửi ngắn hạn cao hơn lãi suất tiền gửi của các nước khác thì vốn ngắn hạn sẽ chảy vào nhằm thu phần chênh lệch do tiền lãi tạo ra, do đó sẽ làm cho cung ngoại tệ tăng lên, TGHD sẽ giảm xuống

- **Tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối:** nếu tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế nước ngoài thì nhập khẩu tăng trưởng nhanh hơn xuất khẩu. Kết quả là cầu ngoại tệ nhanh hơn cung ngoại tệ làm cho ngoại tệ lên giá so với nội tệ

- **Vai trò của chính phủ hay sự can thiệp của Ngân hàng Trung Ương:** Chính phủ thông qua ngân hàng trung ương có thể can thiệp vào thị trường ngoại hối, bằng việc bán ra hoặc mua vào ngoại tệ nhằm thay đổi cung cầu ngoại tệ.

- **Chịu tác động nhiều của các yếu tố khác như:** tình hình ổn định chính trị, đầu cơ, kỳ vọng, giá vàng, giá dầu trên thị trường quốc tế, tình hình thu hút kiều hối.

CHƯƠNG 2

CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ NGOẠI HỐI

1. KHÁI NIỆM CHÍNH SÁCH TỶ GIÁ.

Chính sách tỷ giá là những hoạt động của chính phủ (đại diện là NHTW) thông qua một chế độ tỷ giá nhất định (hay cơ chế điều hành tỷ giá) và hệ thống các công cụ can thiệp nhằm duy trì một mức tỷ giá cố định hay tác động để tỷ giá biến động đến một mức cần thiết phù hợp với mục tiêu chính sách tiền tệ quốc gia.

2. CÁC CÔNG CỤ CỦA CHÍNH SÁCH TỶ GIÁ.

Các nội dung chính của chính sách tiền tệ bao gồm:

- Hành vi phá giá nội tệ: bao gồm những can thiệp của chính phủ để đồng nội tệ trở nên định giá thấp hơn.

- Hành vi nâng giá nội tệ: bao gồm những can thiệp của chính phủ để đồng nội tệ trở nên định giá cao hơn.
 - Hành vi duy trì tỷ giá ở một mức độ nhất định: là hành vi duy trì của chính phủ để duy trì tỷ giá ổn định không đổi.
 - Không can thiệp, để tỷ giá biến động tự do theo quan hệ cung cầu thị trường.
- Tùy theo tính chất tác động lên chính sách tỷ giá trực tiếp hay gián tiếp mà các công cụ được chia thành hai nhóm: nhóm công cụ trực tiếp và nhóm công cụ gián tiếp.

2.1. Nhóm công cụ tác động trực tiếp lên tỷ giá.

Đây là hoạt động của NHTW trên Thị trường ngoại hối thông qua việc mua bán đồng nội tệ nhằm duy trì tỷ giá cố định (trong chế độ tỷ giá cố định), hay là ảnh hưởng làm cho tỷ giá thay đổi đạt tới một mức nhất định theo mục tiêu đã đề ra (chế độ tỷ giá thả nổi). Để can thiệp, NHTW phải có một lượng dự trữ ngoại hối đủ mạnh.

- Bên cạnh nhóm công cụ này còn phải nói đến các biện pháp can thiệp hành chính của chính phủ:

+ Biện pháp kết hối: Chính phủ qui định đối với các thẻ nhân và pháp nhân có nguồn thu ngoại tệ phải bán một tỷ lệ nhất định trong một thời hạn nhất định cho các tổ chức được phép kinh doanh ngoại hối.

+ Ban hành các qui định: qui định hạn chế đối tượng mua và số lượng mua ngoại tệ, qui định hạn chế mục đích sử dụng ngoại tệ, qui định hạn chế thời điểm được mua ngoại tệ. Với xu thế mở cửa nền kinh tế, tự do hóa thương mại và tự do hóa tài chính thì các biện pháp can thiệp hành chính ngày càng trở nên không phù hợp, do đó xu hướng thế giới là ngày càng hạn chế can thiệp hành chính và chuyển sang sử dụng các công cụ thị trường.

2.2.. Nhóm công cụ tác động gián tiếp lên tỷ giá.

Bao gồm các công cụ như: lãi suất tái chiết khấu, thuế quan, hạn ngạch, giá cả...trong đó công cụ tái chiết khấu thường được sử dụng nhiều nhất.

- Lãi suất tái chiết khấu: NHTW tăng lãi suất tái chiết khấu sẽ tác động làm tăng mặt bằng lãi suất thị trường; lãi suất thị trường tăng các nguồn vốn ngoại tệ chạy vào làm cho nội tệ lên giá. Khi lãi suất tái chiết khấu giảm sẽ có tác động ngược chiều.

- Thuế quan: Thuế quan cao, làm hạn chế nhập khẩu, làm cho cầu ngoại tệ giảm, dẫn đến nội tệ lên giá. Khi thuế quan thấp sẽ có tác động ngược lại.

- Hạn ngạch: Làm hạn chế nhập khẩu, tác động lên tỷ giá giống như thuế quan cao. Dỡ bỏ hạn ngạch tác động làm tăng nhập khẩu, tác động lên tỷ giá giống như thuế quan thấp.
- Giá cả: Qua hệ thống giá cả, Chính phủ có thể trợ giá cho những mặt hàng xuất khẩu chiến lược hoặc đang trong giai đoạn đầu sản xuất. Trợ giá xuất khẩu làm tăng khối lượng xuất, tăng cung ngoại tệ, nội tệ lên giá. Chính phủ bù giá cho một số mặt hàng nhập khẩu thiết yếu, bù giá làm tăng nhập khẩu, kết quả làm cho nội tệ giảm giá.

Ngoài ra còn áp dụng một số biện pháp đặc biệt khác.

- + Điều chỉnh tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ đối với các NHTM: NHTW tăng hoặc giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với vốn huy động bằng ngoại tệ của các NHTM nhằm điều chỉnh lượng cung cầu ngoại tệ trên thị trường.
- + Quy định mức lãi suất trần kém hấp dẫn đối với tiền gửi bằng ngoại tệ.
- + Quy định trạng thái ngoại tệ đối với các NHTM ngoài mục đích phòng ngừa rủi ro tỷ giá, còn tác dụng hạn chế đầu cơ ngoại tệ, làm giảm áp lực lên tỷ giá khi cung cầu mất cân đối.

3. CƠ CHẾ ĐIỀU HÀNH TỶ GIÁ.

Mỗi chế độ tỷ giá khác nhau thì nội dung cơ chế hoạt động khác nhau.

3.1. Chế độ tỷ giá theo quan hệ cung cầu (thả nổi hoàn toàn)

Chế độ tỷ giá theo quan hệ cung cầu (Chế độ tỷ giá thả nổi hoàn toàn) NHTW không can thiệp vào, tỷ giá được xác định hoàn toàn tự do bởi qui luật cung cầu trên thị trường ngoại hối. Vì vậy sự biến động về tỉ giá là không có giới hạn. NHTW tham gia vào thị trường ngoại hối là do nhu cầu ngoại tệ chứ không phải nhằm mục đích can thiệp vào thị trường ngoại hối.

3.2. Chế độ tỷ giá thả nổi có sự quản lý.

Hiện nay NHTW Việt Nam đang áp dụng chế độ tỉ giá này. Đối với chế độ tỉ giá này NHTW không cam kết duy trì một tỉ giá nhất định trên thị trường nhưng cũng không để tỉ giá thay đổi hoàn toàn dựa trên quan hệ cung cầu. NHTW chỉ công bố tỉ giá trung bình của tỉ giá liên ngân hàng, mà tỉ giá liên ngân hàng do quan hệ cung cầu trên thị trường ngoại hối quyết định. Đây chính là yếu tố thả nổi của chính sách tỉ giá này. Tuy nhiên, tỉ giá này chỉ được giao động trong một biên độ tỉ giá nhất định do NHTW quy định. Đây chính là yếu tố có sự quản lý trong chính sách tỉ giá này.

- Để cân bằng lượng nội tệ sau khi thực hiện việc điều chỉnh tỉ giá thì NHTW phải thực hiện thêm một số nghiệp vụ thông qua thị trường mở.

3.3. Chế độ tỷ giá cố định.

Đối với chế độ tỉ giá này NHTW hoàn toàn kiểm soát và duy trì ở một tỉ giá nhất định. Để duy trì tỉ giá cố định này NHTW phải thực hiện việc mua ngoại tệ vào khi lượng cung ngoại tệ trên thị trường tăng vượt quá lượng cầu và bán ngoại tệ ra khi lượng cầu vượt quá lượng cung. Để thực hiện tốt việc này thì NHTW phải có lượng ngoại tệ nhất định đủ để tác động lên thị trường.

4. HỆ THỐNG CHẾ ĐỘ TỶ GIÁ NGÀY NAY

Theo IMF, tại ngày 31/12/2001, các chế độ tỷ giá gồm:

4.1. Chế độ tỷ giá không có đồng tiền pháp định riêng

Đây là trường hợp đối với một quốc gia khi không có đồng tiền pháp định riêng. Đồng tiền sử dụng trong lưu thông có thể là:

+ Quốc gia này sử dụng đồng tiền của một nước khác trong lưu thông như là một đồng tiền pháp định duy nhất.

+ Quốc gia này là thành viên của một liên minh tiền tệ trong đó các nước thành viên thống nhất sử dụng một đồng tiền pháp định chung.

4.2. Chế độ bản vị tiền tệ

Đây là chế độ tỷ giá có sự cam kết chính thức của chính phủ chuyển đổi nội tệ sang ngoại tệ là đồng tiền bản vị tại một mức giá cố định. Chế độ bản vị tiền tệ đặt ra những hạn chế nghiêm ngặt trong việc phát hành tiền nhằm bảo đảm cam kết chính thức của chính phủ.

4.3. Chế độ tỷ giá cố định thông thường.

Đây là chế độ tỷ giá khi chính phủ neo đồng tiền của mình (một cách chính thức hay ngầm định) với một đồng tiền chính hay một rổ các đồng tiền tại một mức tỷ giá cố định, đồng thời cho phép tỷ giá được dao động trong một biên độ hẹp, tối đa là +/- 1% xung quanh tỷ giá trung tâm

4.4. Chế độ tỷ giá cố định với biên độ dao động rộng:

Đây là chế độ tỷ giá khi chính phủ neo đồng tiền của mình tại một mức tỷ giá cố định, đồng thời cho phép tỷ giá được dao động trong một biên độ rộng hơn +/-1% xung quanh tỷ giá trung tâm.

4.5. Chế độ tỷ giá cố định trượt.

Đây là chế độ tỷ giá cố định, nhưng định kỳ tỷ giá trung tâm sẽ được điều chỉnh hoặc theo một tỷ lệ nhất định đã được thông báo trước, hoặc để phản ánh những thay đổi trong một số chỉ tiêu nhất định đã được lựa chọn (lạm phát, cán vôn thương mại)

4.6. Chế độ tỷ giá cố định trượt có biên độ

Đây là chế độ tỷ giá cố định với nội dung sau:

- + Tỷ giá được dao động trong một biên độ nhất định xung quanh tỷ giá trung tâm
- + Tỷ giá trung tâm được điều chỉnh định kỳ
 - Hoặc theo một tỷ lệ nhất định đã được thông báo trước
 - Hoặc để phản ánh những thay đổi trong một số chỉ tiêu nhất định đã được lựa chọn.

4.7. Chế độ tỷ giá thả nổi có điều tiết không thông báo trước

Chính phủ can thiệp đến sự vận động của tỷ giá một cách tích cực, nhưng không có một thông báo nào về mức độ can thiệp của chính phủ.

4.8. Chế độ tỷ giá thả nổi độc lập

Tỷ giá được xác định theo quy luật cung cầu của thị trường, bất cứ một sự can thiệp nào của nhà nước cũng không làm thay đổi tỷ giá.

4.9. Cấu trúc tỷ giá.

- Nếu một quốc gia sử dụng một tỷ giá thì gọi là tỷ giá đơn.
- Nếu quốc gia sử dụng hai tỷ giá khác nhau trở lên thì gọi là chế độ đa tỷ giá. Thị trường sử dụng hai tỷ giá gọi là chế độ tỷ giá kép.

PHẦN II**THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI VIỆT NAM****CHƯƠNG 1****LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN**

Từ năm 1989, công cuộc Đổi Mới được đẩy mạnh hơn với chủ trương là phát triển một nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; phát triển kinh tế đối ngoại, mở cửa,

hợp tác và hội nhập, phù hợp với xu hướng quốc tế hóa nền kinh tế thế giới ngày càng mạnh mẽ. Nhằm bồi đắp và thúc đẩy kinh tế đối ngoại phát triển, đặc biệt là hoạt động XNK, thì việc hình thành và đưa vào hoạt động thị trường ngoại hối ở Việt Nam là cần thiết. Quá trình hình thành và phát triển trường ngoại hối Việt Nam có thể tóm tắt như sau:

I. GIAI ĐOẠN TRƯỚC 1991

- Đặc trưng của giai đoạn trước 1991 Việt Nam phát triển kinh tế hướng nội, đóng cửa, các mối quan hệ với bên ngoài đều thông qua hệ thống độc quyền của Nhà nước về ngoại thương và ngoại hối

Trước yêu cầu đổi mới, ngày 26/3/1988, Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Nghị định 53/HĐBT về việc tách hệ thống Ngân hàng Việt Nam từ một cấp thành hai cấp, bao gồm:

- ◆ Ngân hàng Nhà nước (NHNN).
- ◆ Hệ thống Ngân hàng Thương mại (NHTM).

- NHNN là Ngân hàng Trung Ương (NHTW) thực hiện chức năng quản lý vĩ mô, ban hành chính sách tiền tệ, tín dụng và ngân hàng...

- Hệ thống NHTM thực hiện chức năng kinh doanh tiền tệ và tín dụng; trong đó, chỉ có duy nhất Ngân hàng Ngoại thương (NHNT) được phép hoạt động và kinh doanh ngoại hối, thanh toán quốc tế và mở tài khoản ở nước ngoài; các ngân hàng khác chỉ được hoạt động trong nước.

Như vậy, cho đến thời điểm sau khi có Nghị định 53/HĐBT, thì một thị trường ngoại hối có tổ chức ở Việt Nam vẫn chưa được hình thành.

Nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới của đất nước, ngày 18/10/1988, Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Nghị định 161/HĐBT về “Điều lệ quản lý ngoại hối”. Một trong những điểm mới về quản lý và kinh doanh ngoại hối theo tinh thần Nghị định 161 là: “Nhà nước CHXHCN Việt Nam thông qua NHNN thực hiện thống nhất quản lý Nhà nước về ngoại hối và kinh doanh ngoại hối. Mọi việc kinh doanh ngoại hối đều được thực hiện theo quy định của NHNN. NHNT là cơ quan được phép kinh doanh ngoại hối. Ngoài ra, các Ngân hàng chuyên doanh khác, các Ngân hàng liên doanh với nước ngoài, các chi nhánh Ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, các tổ chức kinh tế trong nước muốn

kinh doanh ngoại hối hoặc dịch vụ thu ngoại tệ đều phải được NHNN-TW Việt Nam cho phép”.

Có thể nói lần đầu tiên ở Việt Nam thế độc quyền trong kinh doanh ngoại hối đã được dỡ bỏ. Từ nay, các NHTM nói chung muốn kinh doanh ngoại hối có thể làm thủ tục để NHNN cấp phép. Đây được xem như sự khởi đầu tạo ra môi trường và điều kiện cho hoạt động của thị trường ngoại hối có tổ chức, hình thành một sân chơi chứa đựng yếu tố cạnh tranh của thị trường.

II. GIAI ĐOẠN TỪ 1991 ĐẾN 1994

Ngày 16/8/1991, Thống đốc NHNN đã ra Quyết định 107-NH/QĐ, ban hành Quy chế hoạt động của Trung tâm giao dịch ngoại tệ; trên cơ sở đó, hai Trung tâm giao dịch ngoại tệ đã được thành lập và đi vào hoạt động tại TP. HCM và Hà Nội. Như vậy có thể nói, năm 1991 là năm đánh dấu mốc lịch sử về việc hình thành nền móng một thị trường ngoại hối có tổ chức ở VN.

Qua thời gian hoạt động từ 16/8/1991 đến 1/12/1994, một số nét chính về hoạt động của hai Trung tâm có thể nêu ra như sau:

- a. Bước đầu hình thành phương thức xác định tỷ giá tương đối linh hoạt thông qua việc cân đối cung cầu ngoại tệ tại Trung tâm.
- b. Qua hoạt động của hai Trung tâm đã tạo ra tập quán, kiến thức kinh doanh ngoại hối cho NHNN, các NHTM và các tổ chức kinh tế.
- c. NHNN đã từng bước hoàn thiện chính sách quản lý vĩ mô về tỷ giá, cũng như khâu tổ chức, điều hành hoạt động thị trường ngoại hối.

III. GIAI ĐOẠN TỪ 1994 ĐẾN 2004

Trước nhu cầu phát triển một thị trường ngoại hối hoàn chỉnh hơn ở Việt Nam, Thống đốc NHNN đã quyết định chấm dứt hoạt động của hai Trung tâm giao dịch ngoại tệ tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh từ 1/12/1994 để nhường chỗ cho thị trường ngoại tệ liên ngân hàng.

Ngày 20/10/1994, Thống đốc NHNN đã ban hành Quyết định 203/QĐ-NH thành lập Thị trường Ngoại tệ Liên ngân hàng (Interbank) và ban hành Quy chế tổ chức & hoạt động của Interbank, đánh dấu bước ngoặt lịch sử trong quá trình hình thành và phát triển của thị trường ngoại hối Việt Nam theo chuẩn mực quốc tế.

IV. GIAI ĐOẠN 2004 ĐẾN NAY

Kể từ ngày 8/12/2004, Quyết định số 1452/2004/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN điều chỉnh giao dịch hối đoái của các tổ chức tín dụng (TCTD) được phép hoạt động ngoại hối đã chính thức có hiệu lực thi hành và thay thế Quyết định số 17/1998/QĐ-NHNN về Quy chế giao dịch hối đoái năm 1998.

- Mở rộng quyền được giao dịch ngoại tệ
- Thị trường được đảm bảo an toàn hơn

Từ đây thị trường ngoại hối VN trở nên sôi động hơn, linh hoạt, thông thoáng, tự chủ và an toàn hơn.

CHƯƠNG 2

THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI VIỆT NAM TỪ KHI CÓ INTERBANK

(Thị trường ngoại hối liên ngân hàng)

I. DOANH SỐ GIAO DỊCH

- Interbank đi vào hoạt động từ 10/1994, hoạt động của thị trường ngoại hối Việt Nam đã có nhiều đổi sắc theo hướng tích cực.
- Khi mới đi vào hoạt động doanh số giao dịch còn thấp. Nguyên nhân do thời điểm này hoạt động XNK của Việt Nam thấp, làm cho cung cầu ngoại tệ thấp.
- Cuối 1996 và sang năm 1997, hoạt động XNK tăng, đầu tư vào Việt Nam tăng cùng với việc NHNN nới rộng biên độ dao động tỉ giá từ 1,10% lên 5,0% làm kích thích thị trường ngoại hối phát triển sôi động.
- Tháng 8/1997, xảy ra cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ Châu Á, tiền VNĐ mất giá mạnh làm tăng tình trạng đầu cơ ngoại tệ làm cho hoạt động thị trường ngoại tệ năm 1998 không tăng là bao so với năm 1997
- Bước sang năm 1999, nền kinh tế của các nước Châu Á đã dần hồi phục, kinh tế Việt Nam lấy lại được đà phát triển, đặc biệt là Chính phủ đã có nhiều chính sách kích thích tăng trưởng xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài làm cho cung ngoại tệ tăng lên đáng kể.

- Bên cạnh đó, vào cuối năm 1998, Chính phủ đã ban hành Quyết định 173/1998/QĐ-TTg ngày 12/8/1998 về nghĩa vụ bán và mua ngoại tệ của Người cư trú là tổ chức.

Ngoài ra, bước sang đầu năm 1999, NHNN đã ban hành Quyết định 64/1999/QĐ-NHNN& ngày 25/2/1999 về việc công bố tỷ giá của đồng Việt Nam với các ngoại tệ, đã làm thay đổi căn bản cơ chế điều hành tỷ giá, từ cơ chế “tỷ giá chính thức” sang cơ chế “tỷ giá giao dịch bình quân trên Interbank” làm cho thị trường ngoại hối hoạt động sôi động mạnh lên.

- Tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể thấy rằng, sau 5 năm (từ 1995 đến 2000), doanh số giao dịch trên thị trường ngoại hối ước tính tăng gấp 2,34 lần, với tốc độ tăng bình quân hàng năm là 27%. Đối với một nước có điểm xuất phát thấp và đang trong quá trình mở cửa và hội nhập, thì tốc độ tăng như trên là thấp. So với thế giới vào những năm 1970, thì cứ hai năm doanh số giao dịch lại được nhân lên gấp đôi, nghĩa là tốc độ tăng bình quân đạt tới 50%/năm.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA INTERBANK

Thị trường Interbank ra đời thay thế vai trò của 2 trung tâm giao dịch ngoại tệ tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh từ 1/12/1994.

- Tỉ trọng doanh số giao dịch thấp, chỉ 22,3% tổng doanh số giao dịch, trong khi thị trường ngoại hối quốc tế là 85%.

- Trình độ phát triển thị trường ngoại hối nói chung và interbank nói riêng còn sơ khai.

- Giao dịch interbank thấp dẫn đến vốn ngoại tệ không được luân chuyển làm cho thiếu ngoại tệ cục bộ, ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế.

Ngoài những nét chính nêu trên, Interbank còn có những tồn tại và trở ngại để phát triển:

- Quy định giao dịch tối thiểu 50 000 USD. Trong khi thực tế tại Việt Nam rất nhiều giao dịch có lượng thấp hơn. Do đó quy định về giao dịch tối thiểu đã làm cản trở hoạt động giao dịch của các tổ chức tín dụng tại Việt Nam.

- Áp dụng các công nghệ hiện đại vào trong giao dịch còn hạn chế.

- Vai trò điều tiết thị trường của NHNN còn thiếu linh hoạt.

III. VAI TRÒ CỦA TỶ GIÁ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG XNK.

- Thị trường ngoại hối có vai trò bôi trơn và thúc đẩy hoạt động XNK. Đối với những nhà xuất khẩu nhận được ngoại tệ, thường bán số ngoại tệ thu được trên thị trường ngoại hối (bán cho ngân hàng) để nhận nội tệ. Nhà nhập khẩu phải chi trả bằng ngoại tệ, thường dùng nội tệ để mua ngoại tệ trên thị trường ngoại hối để thanh toán cho nước ngoài. Như vậy, hoạt động XNK của một nền kinh tế luôn gắn liền với hoạt động của thị trường ngoại hối; một khi thị trường ngoại hối có tính thanh khoản cao, hoạt động hiệu quả và thông suốt sẽ bôi trơn và thúc đẩy hoạt động XNK phát triển. Đối với Việt Nam, nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi, thị trường ngoại hối còn sơ khai non trẻ, giá trị đồng Việt Nam còn chưa thật ổn định, tỷ giá do NHNN ấn định chưa thực sự linh hoạt, thì vai trò của thị trường ngoại hối đối với hoạt động XNK nhìn chung còn có những hạn chế nhất định.

Vai trò của thị trường ngoại hối đối với hoạt động XNK ở Việt Nam có thể nhìn nhận đánh giá thông qua một số nét chính như sau:

- Doanh số mua vào của các NHTM thường luôn thấp hơn khoản thu từ xuất khẩu của nền kinh tế. Theo ước tính, trung bình từ năm 1995 đến 2000, hệ thống NHTM mới chỉ thu mua được khoảng 60% doanh thu từ xuất khẩu.
- Doanh số bán ra của các NHTM cũng thường luôn thấp hơn khoản chi cho nhập khẩu của nền kinh tế. Theo ước tính, trung bình từ năm 1995 đến 2000, hệ thống NHTM mới chỉ đáp ứng được khoảng 50% doanh số chi cho nhập khẩu.
- Tổng doanh số mua bán ngoại tệ của các NHTM mới chỉ chiếm trung bình khoảng 55% tổng doanh số XNK của cả nền kinh tế.
- Các tổ chức XNK thường xuyên duy trì số dư ngoại tệ cho hoạt động của mình theo phương thức “tự cung tự cấp” với một tỷ lệ lên tới 45% (= 100% - 55%). Cụ thể là, các khoản thu ngoại tệ từ xuất khẩu, các đơn vị không bán toàn bộ cho NHTM, mà duy trì ở dạng tiền gửi để chi cho nhu cầu nhập khẩu của mình.
- Trên thế giới, doanh số hoạt động trên thị trường ngoại hối thường lớn hơn gấp nhiều lần doanh thu từ hoạt động XNK, qua đó cho thấy trình độ phát triển thị trường ngoại hối Việt Nam đang còn rất sơ khai, chưa tạo ra được môi trường thanh khoản về ngoại tệ,

cũng như môi trường chu chuyển vốn nhanh chóng và hiệu quả nhằm nâng cao hệ số sử dụng vốn của các đơn vị XNK và của cả nền kinh tế như một tổng thể.

CHƯƠNG 3

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI VIỆT NAM

I. CƠ CHẾ VÀ CHÍNH SÁCH ĐIỀU HÀNH THỊ TRƯỜNG HỐI ĐOẠI

Thị trường ngoại hối có phát triển hay không do ảnh hưởng bởi rất nhiều yếu tố khác nhau. Nhưng ở Việt Nam quan trọng nhất là cơ chế và chính sách điều hành thị trường ngoại hối của Ngân hàng Trung ương.

Ở thị trường hối đoái Việt Nam, do nền kinh tế còn quá kém, nên Ngân hàng nhà nước còn ấn định mức tỷ giá giao dịch và chỉ cho phép giao dịch biến động $\pm 5\%$ / năm.

Mặt khác, cơ quan điều hành thị trường cũng chỉ cho phép các tổ chức, cá nhân xuất nhập khẩu hàng hóa hoặc có nhu cầu mua bán ngoại tệ chính đáng mới được giao dịch và phải xin phép với các thủ tục rườm rà.

Hiện nay, thị trường vẫn chưa thực sự mở cửa, cho phép các tổ chức tín dụng phi ngân hàng được tham gia thị trường ngoại tệ, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ kinh doanh ngoại hối, đơn giản hóa các thủ tục cấp phép.

Đánh giá về thị trường ngoại hối Việt Nam sau 19 năm (kể từ năm 1990) hoạt động vẫn thuộc loại kém phát triển. Đó là do chất lượng quản lý không cao, thiếu thống nhất, các quy định lỏng lẻo, tạo điều kiện cho những hành vi vi phạm về quản lý

Một số thực trạng về vấn đề quản lý ngoại hối

+ **Đối với giao dịch vãng lai:** Việt Nam đã tự do hóa việc chuyển đổi ngoại tệ và thanh toán đối với hầu hết các giao dịch loại này. Nhưng các quy định về hồ sơ, chứng từ trên thực tế còn rất rườm rà.

+ **Đối với các giao dịch vốn:** Văn bản cao nhất về vấn đề này là Nghị định 63/NĐ-CP của chính phủ chỉ nêu chung chung về việc cho vay, thu hồi nợ nước ngoài được thực

hiện theo quy định riêng của pháp luật và cho đến nay vẫn chưa có văn bản nào quy định cụ thể về cho vay, thu hồi nợ nước ngoài của doanh nghiệp

+ **Hoạt động đầu tư gián tiếp của nước ngoài vào Việt Nam hoặc của Việt Nam ra nước ngoài:** cũng không có cơ sở pháp lý đủ mạnh để thực thi và thực tế là các nhà đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải “lách” bằng cách thông qua việc mua các trái phiếu, giấy tờ có giá phát hành ở nước ngoài hay ngân hàng nhà nước đầu tư từ nguồn dự trữ ngoại hối.

II. CƠ CHẾ ĐIỀU HÀNH TỶ GIÁ

- Tỷ giá hối đoái ở Việt Nam do NHTW quy định dựa trên kết quả giao dịch trong ngày trên cơ sở tỷ giá bình quân của thị trường ngoại tệ liên ngân hàng Việt Nam và tỷ giá kinh doanh ngoại tệ của các NHTM không được lớn hơn $\pm 0,25\%$ so với tỷ giá chính thức. Mức dao động cho phép (biên độ). Biên độ của tỷ giá mà SBV quy định được nới rộng dần theo thời gian trong quá trình hội nhập nền kinh tế thế giới của kinh tế Việt Nam. Ban đầu tỷ giá là cố định, sau đó tỷ giá có biên độ dao động từ mức $\pm 0.25\%$; $\pm 0.3\%$... và hiện nay $\pm (3\%-5\%)$

- Giá cả các loại tiền tệ phụ thuộc vào mức cung và cầu trên thị trường của chính nó và các loại tiền tệ khác nữa. Tuy nhiên, về cơ bản tỷ giá phụ thuộc vào tình hình kinh tế của các quốc gia. Khi một quốc gia tăng trưởng kinh tế tốt, xuất khẩu mạnh hơn các nước liên đới thì nguồn ngoại tệ thu về dồi dào làm cho nội tệ lên giá và tỷ giá giảm và ngược lại. Vậy tỷ giá hối đoái phụ thuộc vào Xuất Nhập Khẩu ròng (NX) của 1 quốc gia. Khi $NX > 0$ thì tỷ giá giảm và ngược lại. Một quốc gia phát triển tốt thì mức độ giao dịch diễn ra sôi động và thị trường hối đoái càng có điều kiện phát triển tốt hơn.

- Ngoài ra, các yếu tố như lãi suất, lạm phát tác động đến tỷ giá hối đoái theo hai hướng ngược nhau. Khi lãi suất tăng thì cầu về nội tệ sẽ tăng làm cho đồng nội tệ tăng giá nên tỷ giá sẽ giảm và ngược lại. Đối với lạm phát khi lạm phát tăng, thì giá cả hàng hóa trong nước sẽ tăng làm cho xuất khẩu giảm, nhập khẩu tăng, lượng cung tiền trong nước tăng lên làm cho giá trị nội tệ sẽ giảm hay tỷ giá sẽ tăng.

- Mức dự trữ ngoại hối của NHTW cũng có tác động đến tỷ giá hối đoái. Khi dự trữ ngoại hối tăng thì cung ngoại tệ trên thị trường giảm và tỷ giá sẽ tăng do ngoại tệ tăng giá.

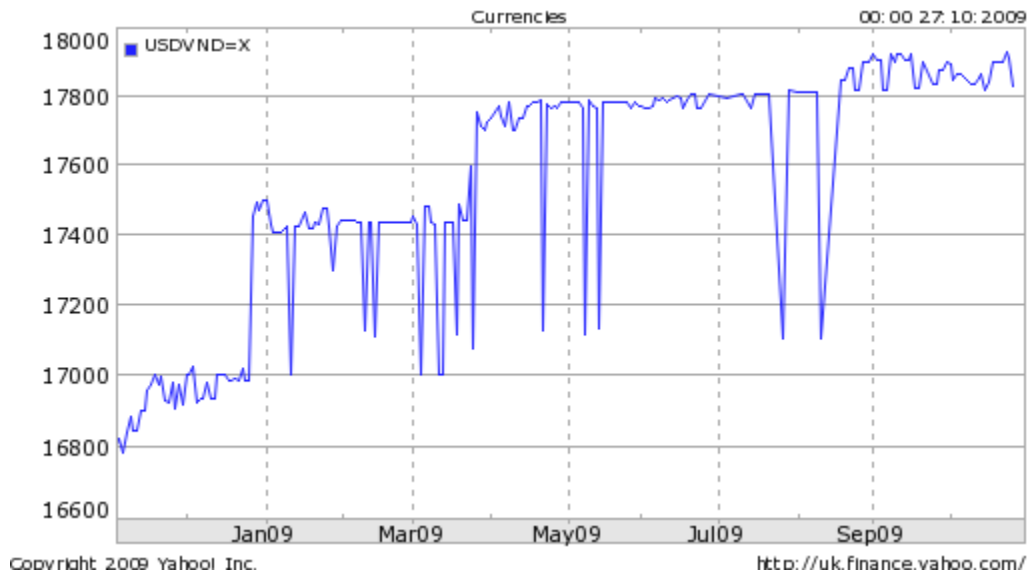
- Chi tiêu ngân sách của chính phủ cũng tác động rất lớn đến tỷ giá hối đoái. Khi ngân sách thâm hụt do chính phủ chi tiêu nhiều thì giá cả hàng hóa dịch vụ sẽ tăng làm cho xuất khẩu giảm nên tỷ giá sẽ tăng.
- Các quy định về giao dịch mua bán trên thị trường ngoại hối cũng tác động đến mức cung cầu tiền tệ các nước. Nếu quy định thông thoáng tự do thì sẽ có nhiều người giao dịch mua bán và thị trường sẽ hoạt động hiệu quả không nghiêng về phía cung như thị trường ngoại hối Việt Nam.
- Cuối cùng, các loại công cụ , dịch vụ trên thị trường càng đa dạng phong phú thì thị trường ngoại hối càng phát triển.

III. DIỄN BIẾN TỶ GIÁ USD TRÊN THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI VIỆT NAM

- Quý 1/2008, trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá USD/VND giảm từ mức 16.112VND/USD xuống còn 15.960 đồng, trên thị trường tự do mức giá chỉ còn 15.700 – 15.800 VND/USD.
- Quý 2/2008 tỷ giá giảm mạnh xuống còn 16.400 VND/USD và đến hết quý 3/2008.
- Ngày 07/11/2008 Chính phủ đã nâng biên độ từ +2% -> 3% so với tỷ giá bình quân liên ngân hàng. Tỷ giá USD/VND tăng lên và đạt mức 17.000
- Cuối chiều 24/12 thống đốc ngân hàng Nhà nước quyết định tăng mạnh tỷ giá USD/VND thêm 3%(tỷ giá liên ngân hàng), thị trường ngoại tệ đồng USD sôi động, giá USD nhích lên từng ngày vượt mức 17.000 đồng lên mức 17.500 vào những ngày cuối năm.
- Sang năm 2009, tỷ giá USD/VND không có sự biến động mạnh, tỷ giá giao động xung quanh mức 17.500 đồng.
- Những tháng đầu năm 2009 đồng USD mất giá mạnh so với các đồng tiền khác(khung hoảng tài chính toàn cầu, tâm là Mỹ)
- Từ cuối tháng 8 đến nay, tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố liên tục tăng. Ngày 9/9, sau hơn tám tháng, tỷ giá này chính thức vượt mốc 16.980 VND và ở mức 16.981 VND. Sáng nay (10/9), tỷ giá bình quân liên ngân hàng tiếp tục tăng lên mức 16.983 VND.

- Giá USD mua vào – bán ra của các ngân hàng thương mại niêm yết sáng nay cũng đồng loạt lên mức cao nhất từ trước tới nay, kịch trần 5% biên độ cho phép theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng, cùng áp ở mức 17.832 VND.
- Trong lịch sử, tỷ giá bình quân liên ngân hàng cao nhất ghi nhận ở mức 16.989 VND của ngày 25/12/2008 – ngày mà lần đầu tiên Ngân hàng Nhà nước trực tiếp tăng một bước 3%, từ mức 16.494 VND. Từ thời điểm đó đến trung tuần tháng 2/2009, tỷ giá bình quân liên ngân hàng được áp dụng quanh mốc 16.980 VND. Tuy nhiên, tại thời điểm đó, biên độ tỷ giá quy định ở mức +/-3% nên giá USD của các ngân hàng thương mại phổ biến chỉ ở dưới 17.500 VND.
- Từ cuối tháng 3/2009, tỷ giá bình quân liên ngân hàng bắt đầu giảm mạnh, có ngày giảm gần 10 VND. Đây được xem là một sự điều chỉnh “cân đối” với chính sách biên độ mới, khi từ ngày 24/3/2009 Ngân hàng Nhà nước bắt đầu nới biên độ từ +/-3% lên +/-5%.
- Từ cuối tháng 7 trở lại đây, tỷ giá bình quân liên ngân hàng bắt đầu tăng trở lại; hiện vẫn thấp hơn so với những ngày cuối năm 2008, nhưng do có biên độ lớn hơn nên giá USD của các ngân hàng đã lên mức cao nhất từ trước tới nay.
- Trong suốt những biến động từ đầu năm, hầu hết ở các thời điểm tỷ giá USD/VND của các ngân hàng thương mại đều ở sát trần biên độ cho phép; việc đẩy giá mua vào bằng đúng giá bán ra cũng đã kéo dài kể từ ngày 11/6/2009 trở lại đây.
- Trong tháng 8 vừa qua, theo thông tin từ lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước, tình hình cung – cầu ngoại tệ trên thị trường đã bớt căng thẳng; doanh nghiệp và người dân cũng đã bắt đầu bán ra USD thay vì chủ yếu găm giữ trước đó.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá USD tháng 8/2009 đã tăng 6,36% so với tháng 12/2008, tăng 8,95% so với cùng kỳ năm 2008



IV. GIẢI PHÁP CHO THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI VIỆT NAM

Đã đến lúc Việt Nam cần xây dựng một cơ chế pháp lý, thiết chế theo hướng khẳng định thị trường ngoại hối phát triển theo cung cầu, các biện pháp đảm bảo an toàn thông qua việc cho phép cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp phong tỏa việc chuyển tiền hoặc tài sản của cá nhân, tổ chức có liên quan đến các lĩnh vực như khủng bố, rửa tiền bất hợp pháp.

- Cần có quy định tương đối thông thoáng về thị trường ngoại hối với đối tượng tham gia thị trường và các công cụ của thị trường.
- Từng bước nới lỏng các giao dịch vốn bằng việc nhấn mạnh đến việc quản lý và giám sát các luồng vốn ngoại tệ vào ra thông qua hệ thống ngân hàng được phép, thông qua các tài khoản ngoại tệ mở tại ngân hàng được phép áp dụng cho từng loại hình giao dịch vốn.
- Quy định rõ quyền lợi của nhà đầu tư nước ngoài đối với lợi nhuận, nguồn thu hợp pháp, quyền được chuyển đổi ra ngoại tệ để chuyển về nước.
- Các luồng vốn đầu tư ra nước ngoài cũng cần được lựa chọn mở rộng từng bước theo thứ tự đầu tư trực tiếp đến đầu tư gián tiếp để áp dụng các biện pháp quản lý phù hợp.
- Một vấn đề quan trọng khác là hoạt động vay, trả nợ nước ngoài và cho vay thu hồi nợ nước ngoài cần được thống nhất quản lý theo từng nhóm đối tượng, áp dụng các cơ chế kiểm soát thông qua cấp phép, quy định tổng hạn mức, đăng ký,...Đồng thời, Việt Nam

cần thể hiện rõ lập trường kiên định và các biện pháp cụ thể trong việc từng bước hạn chế, tiến tới xoá bỏ hoàn toàn hiện tượng đô la hoá, hạn chế tối đa việc sử dụng ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam.

- Một cơ chế tỷ giá linh hoạt, có sự điều tiết của Nhà nước cũng là điều cần hướng tới trong thị trường ngoại hối theo hướng mở cửa, chuẩn hoá theo thông lệ quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Tiến, *Tài chính quốc tế*, NXB Thống kê, năm 2009
2. TS. Nguyễn Minh Kiều, *Thị trường ngoại hối và các giải pháp phòng ngừa rủi ro*
3. <http://vi.wikipedia.org>
4. <http://www.agribank.com.vn>
5. <http://www.vietinbank.vn>
6. <http://www.sacombank.com.vn>
7. <http://www.vneconomy.vn>